

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số : 4950/TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Thư mời tham dự và chào giá cung cấp vật tư y tế cho Nhà thuốc bệnh viện 06 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế trên toàn quốc.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình xin gửi lời chào và lời cảm ơn tới Quý Công ty đã hợp tác cùng bệnh viện trong thời gian qua.

Căn cứ Biên bản họp thường trực Hội đồng Khoa học kỹ thuật ngày 28/11/2023 thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật VTYT cung ứng cho Nhà thuốc Bệnh viện 06 tháng đầu năm 2024 gồm 225 danh mục.

Đề có cơ sở thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018, Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04/03/2023, Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 và có cơ sở lựa chọn đơn vị cung ứng, Bệnh viện mời các Công ty tham gia chào giá danh mục VTYT 06 tháng đầu năm 2024 (theo phụ lục I – danh mục mời chào giá đính kèm).

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình kính đề nghị các Công ty tham dự quan tâm thực hiện các nội dung sau:

1. Bảng tham dự chào giá (02 bản) (Theo mẫu phụ lục II – Danh mục tham dự chào giá đính kèm)

2. Hồ sơ pháp lý công ty, hồ sơ sản phẩm, giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của sản phẩm (bao gồm: Bảng phân loại, phiếu tiếp nhận, CFS, GPNK, TKHQ, giấy phép bán hàng...); Kết quả đã trúng thầu của sản phẩm (Trong vòng 120 ngày kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá).

3. Thời hạn nộp thông tin tham dự chào giá: trước 10h00 ngày 11/12/2023

4. Hình thức nộp: Bộ hồ sơ gồm Bản cứng (có dấu đỏ) và File mềm (lưu USB) được niêm phong.

5. Địa điểm và người nhận hồ sơ chào giá: Đồng chí Nguyễn Như Đức - Phòng Tài chính kế toán, Phòng 208, tầng 2, nhà A; Địa chỉ: số 530 đường Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. SĐT: 094.705.3028.

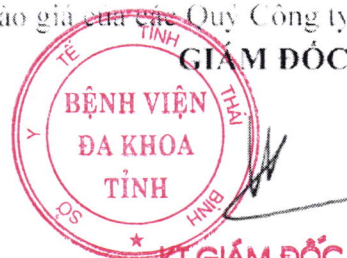
Mọi nội dung vướng mắc xin vui lòng liên hệ theo số điện thoại: Nguyễn Như Đức SĐT: 094.705.3028 hoặc Trần Thị Bảo Khánh SĐT: 091.207.6602 trong giờ hành chính.

Rất mong nhận được sự tham dự và chào giá của các Quý Công ty./.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: VT, KD, TCKT.



KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. BSCKII. Lại Đức Trí



PHỤ LỤC I
(Kèm theo thông báo mời chào giá số 1950/TB-BV ngày 01 tháng 12 năm 2023)
DANH MỤC CHÀO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

STT DM BV	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
mời chào giá				
	Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
	1.2 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
1	Cồn 70		Lọ	100
2	Oxy già		Lọ	68
	Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			
	2.1 Băng			
3	Băng thun y tế 3 móc	Nguyên liệu: sợi Polyester và sợi cao su., ISO 13485	Cuộn	2.150
	2.2 Băng dính			
4	Băng dính lụa 1,25cm x 5m	Kích thước 1,25cm x 5 m. Băng có cấu tạo nền vải lụa phủ lớp keo, độ dính tốt. Băng dễ dàng xé theo 2 chiều, bền chắc, tiện lợi, thông thoáng cho da.	Cuộn	180
5	Băng dính lụa 2,5cm x 5m	Kích thước 2,5cm x 5 m. Băng có cấu tạo nền vải lụa phủ lớp keo, độ dính tốt. Băng dễ dàng xé theo 2 chiều, bền chắc, tiện lợi, thông thoáng cho da.	Cuộn	210
6	Băng dính lụa 5cm x 5m	Kích thước 5cm x 5 m. Băng có cấu tạo nền vải lụa phủ lớp keo, độ dính tốt. Băng dễ dàng xé theo 2 chiều, bền chắc, tiện lợi, thông thoáng cho da.	Hộp	590
	2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương			
7	Gạc phẫu thuật tiệt trùng (KT: 10cm x 10cm x 12 lớp)	Được sản xuất 100% sợi cotton, không có độc tố, kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp	Túi	510
8	Gạc xốp kháng khuẩn	- Là lớp polyurethane foam tẩm nano bạc và PHMB, nồng độ: nano bạc 0.25%wt, PHMB 1%wt. Độ dày: 4,5mm. - Phổ diệt khuẩn rộng, hiệu quả diệt khuẩn cao (>99.99%). - Hấp thụ, giữ dịch tốt (11-18g dịch/g gạc), kéo dài thời gian sử dụng gạc (hiệu quả liên tục đến 7 ngày). - Mềm mại, co giãn linh hoạt, không dính vào vết thương. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	500

STT DM BV mỗi	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
chào giá				
9	Gạc ALGINATE kháng khuẩn	- Thành phần: sợi calcium alginate tẩm ion bạc (nồng độ bạc 0.85-1.05 %wt). - Phổ diệt khuẩn rộng, hiệu quả diệt khuẩn cao (lên đến 99.99%). - Hấp thụ dịch tốt (15-20 lần trọng lượng gạc). - Tạo gel khi tiếp xúc với dịch vết thương, không dính gạc vào vết thương. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	700
10	Băng film và film có gạc 6x7cm	- Cấu tạo 2 lớp: lớp PU film trong suốt phủ keo (keo acrylic) và gạc cotton phủ lớp PE chống dính. - Bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Gạc thấm hút dịch, không dính vào vết thương. - Lớp film mỏng, tạo cảm giác dễ chịu khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	8.000
11	Băng film và film có gạc 9x25cm	- Cấu tạo 2 lớp: lớp PU film trong suốt phủ keo (keo acrylic) và gạc cotton phủ lớp PE chống dính. - Bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Gạc thấm hút dịch, không dính vào vết thương. - Lớp film mỏng, tạo cảm giác dễ chịu khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	1.400
12	Gạc cố định kim luôn 6x7cm	- Cấu tạo: Lớp màng polyurethane xẻ rãnh (trừ mã HETIS IV Dressing 6070), phủ keo acrylic, có gạc cotton (phủ lớp PE chống dính). - Màng PU bán thấm, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Co giãn tốt, thoáng khí, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapour transmission rate) >600 g/m².24h - Có tích hợp miếng dán ghi ngày/tháng/năm. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	1.000
	2.4 Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương			
	Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh			
	3.1 Bơm tiêm			
13	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông có khía bề gầy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1.840
14	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml có kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	1.750

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15	Bơm tiêm 5ml	- Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn - Xy lanh dầu côn hoặc dầu xoắn, trong suốt, nhân bóng không cong vênh, không có bavia. Vạch chia dung tích rõ nét - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP -	Cái	43.850
16	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	8.700
17	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	850
18	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	1.520
	3.2 Kim tiêm			
19	Kim cánh bướm các số	- Dây dẫn: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Dây dài 300mm Cỡ kim 23G x ¼", 25G x ¼" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) ISO 13485: 2016;	Cái	3.000
20	Kim tiêm các số	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp kim khít bảo vệ đầu kim tốt. - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng	Chiếc	100
21	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ từ 14G đến 26G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, có cửa chính, có đầu bảo vệ 18G, 20G, 22G; TCCL: ISO,	Cái	7.560
22	Kim luồn tĩnh mạch	Chất liệu Catheter ETFE (Ethylene Tetra Fluor Ethylene), có chứa chất cản quang, lưu Catheter được 72h, được tiệt trùng bằng công nghệ chùm điện tử (EB); Các cỡ 18G x 2"(I.D.0.95x51mm). Kim luồn tĩnh mạch không có cánh.	Cái	400
	3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
23	Kìm sinh thiết bán tự động mô mềm 14G, 16G, 18G, 20G dài từ 90 tới 220mm.	Một bộ kìm bao gồm: 01 kìm chính, 01 kìm dẫn đường. Chất liệu: thân kìm được làm bằng thép không rỉ, tay cầm 3 ngón được làm bằng nhựa y tế siêu bền. Đường kính kìm 16G, 18G, Độ dài kìm: 130mm, Cò vạch cán quang chia độ dài trên thân kìm, Kìm có khóa an toàn,	Cái	200
24	Kìm sinh thiết bán tự động, các cỡ, kèm kim đồng trục	* Kìm sinh thiết mô mềm và các tạng (gan, phổi, thận...) * Các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G, chiều dài từ 10-20cm kèm kim đồng trục. * Mã hóa bằng màu sắc, thiết kế đầu kìm tăng âm không gây tổn thương. Tay cầm gọn nhẹ. * Hai chiều dài lấy mẫu: 10mm /20mm. * Vạch chỉ thị sắc nét, thấy được trên siêu âm * Kèm kim đồng trục * Tiệt trùng bằng EO * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	300
	3.5 Dây truyền, dây dẫn			
25	DÂY TRUYỀN DỊCH EXA CÓ ÔNG ĐIỀU CHỈNH GIỌT CHÍNH XÁC	Van khóa điều chỉnh tốc độ, sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh, kim chai có đầu thoát khí. Bộ điều chỉnh tốc độ truyền ổn định, có thể cài đặt tốc độ truyền từ 5ml/h-250ml/h. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn: Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8,5$ ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cầu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh trắng silico, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500 mm. Không chứa độc tố DEHP, tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn GMP-EDA, CE, EN ISO13485:2016-TUV; ISO 9001:2015; TCVN 6591-4:2008	Bộ	850

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Dây dẫn: Dài $\geq 1550\text{mm}$, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. - Bộ phận điều chỉnh dòng chảy: Nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm màng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. - Bộ phận đầu nối: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm. Có công tiêm thuốc chữ Y. - Đầu nối kim: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế khóa vận để khóa chặt kim (Luer lock). - Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa ABS hoặc nhựa nguyên sinh khác đạt tiêu chuẩn, sắc, nhọn. - Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế màng lọc khuẩn $0.2\mu\text{m}$ vỏ khuẩn làm từ chất liệu vải PP không dệt. - Bầu đếm giọt dung tích 20ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dây đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch $15\mu\text{m}$. - Kim 2 cánh bướm: 21G, 22G, 23G và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)		
26	Bộ dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm các số)		Bộ	6.200
27	Dây truyền máu	Sản xuất theo công nghệ Teruflex (Công nghệ chuyên dụng cho sản xuất túi máu). Dây dài 180cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175- 210 μm . Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Không chứa chất độc hại (nontoxic), không chứa chất gây sốt (non pyrogenic), khóa hãm bằng nhựa trong để quan sát. Chất liệu dây: Vinyl Chloride, có kim truyền không cánh cỡ 18G, thành mỏng, phủ silicon, đốc kim trong suốt tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	210
28	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	• Thể tích mỗi dịch $\leq 1\text{ml}$ • Đường kính trong $\leq 0.9\text{ mm}$ Đường kính ngoài $\leq 1.9\text{mm}$ • Tốc độ $\leq 0.9\text{ml/m}$ - Chất liệu pvc, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn đảm bảo không độc tính, mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn • Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EC.	Cái	800
29	Dây nối máy truyền dịch 30 cm	Dây dài 30cm, được làm từ vật liệu nhựa PVC y tế cao cấp. Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Dây chống xoắn, chịu áp lực. Không có chất DEHP, Không chứa latex. Sản phẩm được tiệt trùng, an toàn trước sử dụng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	Cái	5.000
	3.6 Găng tay			

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30	Găng tay khám	Găng tay sạch không bột, dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên, phủ lớp polymer - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L (chiều dài tối thiểu 220 mm) - Độ dày vùng tròn nhám: tối thiểu 0,08 mm, tối đa 2,00 mm. - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0,11 mm, tối đa: 2,03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi giả hóa nhanh 7,0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi giả hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi giả hóa nhanh 6,0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi giả hóa nhanh 560%, hàm lượng protein $\leq 50\text{mg/dm}^2$, hàm lượng bột $\leq 2\text{mg/dm}^2$, - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Đôi	5.300
31	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 6.5 - 7.0 - 7.5	Chiều dài: 280+/-5 mm Hàm lượng bột: 10mg/dm ² Hàm lượng protein: 200ug/dm ² Sức kéo: Trước lão hóa: 24Mpa min Sau lão hóa: 18Mpa min	Đôi	400
	3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác			
32	Túi đựng nước tiểu	Làm bằng vật liệu nhựa cao cấp cường lực, có khóa vặn ¼ vòng, dây dẫn dài 0,75 m, đường kính ngoài 6,8mm, đường kính van tháo dịch 9,2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vách chia dung tích đều	Cái	700
33	Túi thải dịch lọc	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT. Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex. Thể tích: 5L	Cái	20
34	Túi hậu môn nhân tạo	Túi một mảnh màu đục (màu da) quan sát được diễn tiến 2 trong 1. KÉP LIỀN, có than hoạt tính khử mùi. Kích thước túi: 15x28cm, thể tích chứa 650ml Đế dán có 2 vòng bám dính gồm: đế hydrocolloid tròn đường kính 9,5cm, độ dày đế 0,7-0,8mm, vòng cắt 15 - 60mm và vòng dán bằng keo y tế bao ngoài viền 1cm. Thời gian sử dụng 5 - 7 ngày với HMNT dai trắng và 3 - 5 ngày đối với HMNT hồi trắng. Túi thiết kế tam rửa được hàng ngày	Túi	3.130
	Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter			
	4.1 Ống thông			
35	Canuyl mayo	Ngáng miệng dùng cho cấp cứu, chất liệu nhựa y tế	Cái	130
36	Ống mở khí quản 2 nồng có bóng có cửa sổ các số		Cái	110

STT DM BV môi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
37	Ống nội khí quản các số	Ống nội khí quản được làm bằng vật liệu y tế PVC. Có bóng. Đầu được vát xung quanh giúp tránh tổn thương, có mắt Murphy. Bóng mềm áp lực thấp, thể tích cao. Có các size từ 3.0 - 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100
38	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày có phễu và nắp (Đầu TIP đóng)	Không có nấm mốc, chất sinh nhiệt - Vật liệu: Nhựa dùng cho y tế, trong sáng dễ quan sát, không gây kích thích với cơ thể, có độ pH trung tính - Đứng kích cỡ yêu cầu - Dây mềm mịn, độ cứng thích hợp, không có cạnh sắc gây tổn thương cho bệnh nhân. Độ đàn hồi tốt. - Chất liệu tốt, mềm mại. - Hạn sử dụng: từ trên 6 tháng – 3 năm.	Ống	200
39	Sonde dạ dày	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	600
40	Sonde hút nhót	Các số 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc. Chất liệu nhựa y tế PVC. Bề mặt được thiết kế nhám trở lực thấp, chống dính thành ống, chịu áp lực cao không bị bẹp khi hút. Ống dài 50 cm, có 2 mắt phụ. Đóng gói 25 cái/hộp. Tiêu chuẩn FDA cho từng cỡ của sản phẩm, ISO, EC.	Cái	5.255
41	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên, tráng silicon, có van tích hợp sẵn. Chiều dài tiêu chuẩn 400mm, thể tích bóng chèn 30ml căng, tròn đều, đồng tâm, đối xứng. Phân biệt kích cỡ theo màu sắc. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	730
42	Ống thông tiểu Foley silicon 2 nhánh sử dụng dài ngày	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh làm bằng 100% Silicone an toàn sinh học và ít tắc nghẹt, kích thước: 12- 26 Fr, dài 430 mm.	cái	400
43	Ống thông đường mật kiểu chữ T	Ống thông đường mật dạng chữ T số 12,14,16,18,20	Cái	300
	4.2 Ống dẫn lưu, ống hút			
44	Dây dẫn lưu tráng silicon	Dây dẫn lưu làm từ nhựa PVC y tế, có chiều dài tới 120cm. Kích thước 5IDx7OD hoặc 7IDx10OD. Dây trơn láng, mềm dẻo, có tính đàn hồi giúp thuận tiện khi thao tác. Màu sắc trắng tự nhiên, dễ dàng quan sát bên trong, cấu tạo có lỗ hoặc không lỗ.	Cái	2.280

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
45	Bộ dẫn lưu silicon các cỡ	Bộ dẫn lưu dịch vết mổ gồm: - 01 túi bình chứa, hút áp lực âm áp lực -120±5mmHg tự hồi không cần lỗ xo, dung tích 200cc có cổng dẫn lưu chứa van một chiều chống trào ngược, cổng xả dịch. Chất liệu Silicon màu trắng trong suốt, có vạch kẻ chia thể tích. - 01 túi dây dẫn dịch kèm Trocar được làm bằng chất liệu thép không rỉ. Chiều dài dây từ 90cm/110cm, phần dẫn dịch được đục lỗ tròn đối với cỡ dây 10fr, 14fr, 20fr; được xe rãnh với cỡ dây 15fr, 19fr; Chất liệu Silicon màu trắng trong, có vạch cân quang trên thành ống. - Mã sản phẩm CW-69XXX 2015-XXXX	Bộ	250
46	Dây hút dịch kín	Đầu ống mềm, không gây tổn thương lên thành ống khí quản - Chiều dài catheter 54 cm, sử dụng ≥72 giờ. - Các cỡ 12Fr, 14Fr - Được mã hóa màu theo tiêu chuẩn ISO để nhận biết kích cỡ	Cái	2.090
	4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối			
47	Dây thở oxy	- Dây dẫn chiều dài ≥2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bộ	2.940
48	Khóa ba ngã có dây dẫn	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hờ, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh	Cái	2.740
49	Khóa ba chạc không dây	Chạc ba tiêm (khóa ba chạc) không dây nối. Đầu nối khóa ren với một khóa (luer lock) chính và hai khóa (luer lock) phụ. Xoay 360 độ không giới hạn và không có dây nối.	Cái	1.630
	4.4 Catheter			
50	Catheter 3 nòng	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm có 3 nòng với bộ kit đầy đủ bao gồm: ống thông tĩnh mạch catheter ; Guidewire đường kính 0.035"; Ống nong Tissue dilator 8F, nắp ống tiêm, kẹp ngăn dòng, 01 kim thăm dò Introducer needle 18G, kẹp ống, xi lanh 5ml có sẵn kim tiêm, dao mổ có cán nhựa.	Cái	80
51	Catheter động mạch quay Art-line 20G x 4,5/8 cm	Catheter Polyurethane 20G x 4,5/8 cm, dây dẫn guide wire luôn sẵn trong catheter trong hộp.....	Cái	100

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật			
	5.2 Chỉ khâu			
52	Chỉ có gai không cần buộc số 3-0	Chỉ tiêu thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai không cần buộc, số 3/0. Sợi chỉ dài 15cm, màu xanh lá, kim tròn đầu nhọn Nucoat V20, cong 1/2 vòng tròn, dài 26mm. Kim có chất liệu hợp kim Surgalloy chống gãy. Thời gian giữ vết thương: 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 90 ngày	Tép	700
53	Chỉ Polypropylene số 2/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, SURGIPRO - VP-977 chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 2-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu cắt KV-7 dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bền theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình.	Tép	2.750
54	Chỉ Polypropylene số 3/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 3-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn V-20, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bền theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình.	Tép	2.350
55	Chỉ Polypropylene số 4/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, SURGIPRO - VP-761-X chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylenglycol giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 4-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-25, dài 22mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bền theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình	Tép	1.330
56	Chỉ Polypropylene số 5/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, SURGIPRO - VP-556X chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylenglycol giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-23, dài 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bền theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình.	Tép	820
57	Chỉ lin		gói	3.000
58	Chỉ Peplon		cuộn	10



[Handwritten signature]

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi các số 1	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiết trùng, đa sợi, tiêu trung bình Polysorb CL-915, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ, số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn, kim được phủ sắc bén bằng công nghệ NuCoat.	Tép	4.200
60	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi các số 2-0	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiết trùng, đa sợi, tiêu trung bình Polysorb GL-123, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ, số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn, kim được phủ sắc bén bằng công nghệ NuCoat.	Tép	3.200
61	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi các số 3-0	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiết trùng, đa sợi, tiêu trung bình Polysorb GL-122, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ, số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn, kim được phủ sắc bén bằng công nghệ NuCoat.	Tép	4.300
62	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi các số 4-0	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiết trùng, đa sợi, tiêu trung bình Polysorb UL-203, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ, số 4/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn CVF-23 dài 17mm, cong 1/2 vòng tròn, kim được phủ sắc bén bằng công nghệ NuCoat.	Tép	5.200
63	Chỉ 10.0		tép	50
64	Chỉ polypropylene 7.0		tép	70
65	Chỉ polypropylene 6.0		tép	160
66	Chỉ vicryl tím 5.0		tép	30
67	Chỉ vicryl tím 6.0		tép	30
	5.3 Dao phẫu thuật			
68	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt dùng cho mổ mở	Dao hàn mạch, hàn mô kèm cắt dùng cho mổ mở, đầu dao phủ nano, khả năng hàn mạch máu, bó mô, mạch bạch huyết lên đến 07mm đường kính, độ dài mỗi hàn 20.3mm, độ dài vết cắt 18.5mm, tương thích với hệ thống máy Force Triad, Valleylab LS10, Valleylab FT10. Có chứng chỉ FDA, ISO 13485. CODE: LF1923/LF4418	Chiếc	28

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Dao hàn mạch, hàn mô kèm cắt dùng trong phẫu thuật nội soi, đầu dao phủ nano, khả năng hàn mạch máu, bóc mô, mạch bạch huyết lên đến 07mm đường kính, độ dài mỗi hàn 20.3mm, độ dài vết cắt 18.5mm, tương thích với hệ thống máy Force Triad, Valleylab LS10, Valleylab FT10. Có chứng chỉ FDA, ISO 13485. CODE: LF1937		
69	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt dùng cho mổ nội soi		Chiếc	15
70	Tay dao hàn mạch mô mở dùng cho mổ tuyến giáp	Tay dao hàn mạch máu lưỡng cực kèm cắt. Chiều dài mỗi hàn 20,6mm, vết cắt 19.8mm. Hàm dao được phủ lớp nano chống dính, đầu cong 40 độ. Chiều dài tay dao 21cm.	Cái	5
71	Lưỡi bảo khớp Shaver các loại, các cỡ	- Sử dụng cắt bóc mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3,5mm, 4,2mm, 4,8mm, 5,5mm. Tốc độ làm việc dao động từ 2500 vòng/phút đến tối đa 6000 vòng/phút. - Các góc và hình dạng răng được tối ưu hóa để cắt mô và xương. - Độ bóng của ống ngoài được giảm thiểu để giảm độ chói và tạo trường nhìn rõ ràng hơn trong quá trình phẫu thuật. - Độ đồng tâm gần như hoàn hảo giữa ống bên trong và ống bên ngoài làm giảm nguy cơ bị kẹt kim loại.	Cái	40
72	Lưỡi bảo khớp bằng sóng Radio	- Thiết kế 2 loại đầu có góc cong 50 và 90 độ. - Đầu đốt góc cong 90 độ: + Đường kính đầu 0.148 in. + Đường kính thân 0.148 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. - Đầu đốt góc cong 50 độ: + Đường kính đầu dạng hình Oval 0.107 x 0.122 in. + Đường kính thân 0.134 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. - Đầu đốt có chức năng phát hiện các đối tượng có trở kháng thấp như ống soi: Đầu đốt sẽ tự động dừng cho đến khi cách ống soi một khoảng cách an toàn. - Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm, và có khả năng giám sát nhiệt độ. - Có thể thông minh giúp bộ điều khiển nhận biết và tự động tối ưu hóa công suất cài đặt để tạo ra dòng Plasma hiệu quả dựa trên kích thước của điện cực.	Cái	40
	Nhóm 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo			

STT DM BV mới chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	6.4 Xương, sụn, khớp, gân nhân tạo			
73	Khớp háng toàn phần không Ximăng chuỗi Ecofit, Ceramic on UHMWPE crosslink siêu liên kết, góc cổ chuỗi CCD 133/138 độ		Bộ	30
	6.5 Miếng vá, mảnh ghép			
74	Lưới thoát vị bẹn, tự dính Progrid dùng trong mổ mở thoát vị bẹn, kích thước 12x8 cm	Lưới điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester đơn sợi, có hệ thống gai siêu nhỏ tự dính vào mô chất liệu Polylactic Acid tự tiêu. Trọng lượng lưới nhẹ 38g/m2 sau khi gai tiêu hết, kích thước lỗ lưới 1.1 x 1.7mm. Lưới có hình dạng oval, có miếng lật sẵn theo giải phẫu bẹn (bên trái, bên phải). Kích thước 12x8cm. Mã sản phẩm TEM1208GL/ TEM1208GR	Miếng	100
75	Miếng ghép sọ não lưới Titan trongghép khuyết xương sọ	Cấu trúc lưới thiết kế dạng chữ Y có thể uốn 3 chiều (3D), dễ uốn tạo hình, bề mặt lưới khử oxi hóa quang phổ vàng. - Lỗ bắt vít chìm (counter sink) cho phép vít bắt phẳng với bề mặt lưới. lỗ bắt vít cách nhau 6mm. - Vật liệu Titanium và phù hợp với vít 2.0mm.. Tiêu chuẩn CE, ISO	1cái/túi	20
	Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa			
	7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp			
76	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt giãn tĩnh mạch thực quản dùng 1 lần. Cho phép thắt 6 vòng cho mỗi lần thao tác nội soi, thiết kế 2 dây khi bắn vòng thun an toàn, dễ dàng sử dụng khi cấp cứu. Có vòng thứ 5 báo hiệu sắp hết vòng thun, Tương thích với ống soi nhi khoa 8,8 - 11, 6mm. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO13485	Cái	110
77	Vật liệu nút mạch hạt nhựa không tải thuốc	Hạt nút mạch Contour PVA không tải thuốc chất liệu Polyvinyl Alcohol. - Hạt nút mạch được đóng gói vô trùng 1cm3 (1cc) thể tích khô mỗi lọ, trong túi vô trùng Có các cỡ từ 45-1180 micron, có nhiều kích thước khác nhau để dễ dàng sử dụng. - Được chỉ định để nút mạch các khối u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm các u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên (AVMs)	Ống	150

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Dụng cụ mở đường động mạch quay (sheath Introducer) các cỡ 4F, 5F, 6F. - Chất liệu polythylene và Polypropylene hoặc tương đương		
78	Bộ Dụng cụ mở đường động mạch quay	- kèm dây dẫn làm bằng thép không gỉ hoặc nitinol, đường kính tối thiểu 0.018"; dài tối thiểu 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 20G, 21G dài 4cm, 7cm - Có chứng nhận CE và FDA	Cái	450
79	Điện cực tạo nhịp tạm thời	Dây điện cực tạo nhịp Eledyn có bóng. Ống thông Polyurethane chống huyết khối, có nhiều marker để xác định độ sâu, chân cắm được mạ vàng. Dây điện cực ≥ 110 cm. Có bơm tiêm kèm theo để bơm bóng	Cái	30
80	Bộ dụng cụ mở đường mạch đùi	Gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, kim chọc mạch, van cầm máu. Các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F, dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. Chiều dài que nong 169 mm. Dây dẫn đường làm bằng thép không gỉ, đường kính 0.038", dài 45cm. Kim chọc mạch cỡ 18G x 7cm	bộ	100
81	Thanh nâng ngực các cỡ	Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138. Thanh nâng ngực có các cạnh bên tròn và các gờ cùn, giúp giảm thiểu tổn thương mô khi cấy ghép. Nhiều kích cỡ từ 7 inches đến 17 inches, bước nhảy 0.5	Cái	20
82	Bộ chọc dò dẫn lưu khí màng phổi đầy đủ	Bao gồm: 1 catheter dẫn lưu ngực, loại cán xạ, cỡ 10F, dài 27cm; 1 que luồn tách cơ, cỡ 6F; 1 Kim chọc dò màng phổi, cỡ 18Ga, dài 7cm; 1 Bộ dây nối có nòng dẫn 0.032"x45cm kèm khóa 3 chiều; 1 Cán dao kèm lưỡi dao phẫu thuật cỡ 11; 1 Syringe 10ml; 1 van Heimlich; 1 Ga trải thủ thuật; 1 Túi dẫn lưu	Cái	40
83	Ống thông chụp chẩn đoán não và ngoại biên loại ái nước	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bện SUS - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 25cm hoặc 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm	Cái	100

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
84	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu	"Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G - Mini plastic guide wire cỡ 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) - Dao rạch da Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu ""Cross-Cut"" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)"	Cái	100
	7.2 Lọc máu, lọc màng bụng			
85	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn	Quả lọc trao đổi huyết tương Prismaflex TPE 2000 được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: Thể tích máu của cả bộ quả lọc $\pm 10\%$: 127ml Diện tích màng: 0.35 m ² Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene Đường kính của sợi lọc khi ướt: 330 μ m Độ dày thành sợi lọc 150 μ m Thể tích máu trong quả lọc huyết tương : 41 ml $\pm 10\%$	Bộ	20
86	Quả lọc hấp phụ cytokin loại HA330	Vật liệu vỏ: Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ: Styren Divinyl benzen copolymer. Công nghệ màng bọc hạt hấp phụ: Crosslinking kép. Lưu lượng máu tối đa (mL/phút): 250. Thể tích hấp phụ (mL): 330 $\pm$ 3. Thể tích khoang máu (mL): 185 $\pm$ 5. Diện tích hấp phụ: 104.000m ² . Nội trở: $\leq$ 4kPa. Áp suất chịu đựng: $\leq$ 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 10~60kDa. Phương thức khử trùng: Tia Gamma. Năng lực hấp phụ: Endotoxin: 36.7% ~ 52.5%; TNF: 31.1%~71.2%; IL-1 β : 35%	Quả	20
87	Dây nối quả hấp phụ máu và quả lọc	Chất liệu: nhựa PVC y tế không gây kích ứng đối với cơ thể. Mặt trong thành ống trơn nhẵn đủ để làm giảm sức cản và tạo bọt của máu. Ống dây mềm đảm bảo dòng chảy của máu bên trong. Dễ lắp vào các loại máy.	Chiếc	20

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
88	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	Bộ dây chạy thận nhân tạo có cấu tạo sản phẩm gồm 2 phần (Động mạch và Tĩnh mạch) có kèm transducer proctor. Ống dây được làm bằng vật liệu PVC theo tiêu chuẩn y tế, không chứa DEHP và tương thích với nhiều loại máy chạy thận. 1. Động mạch: Dây chủ ID 4.6mm, OD 6.8mm tổng chiều dài dây 3500 mm. Đường kính dây bơm máu 8.0*12*400mm. Bầu chứa loại trung OD 22 mm dài 130mm. Có nhánh đo áp lực trước màng 2. Tĩnh mạch: - Dây chủ ID 4.6mm, OD 6.8mm tổng chiều dài dây 2900 mm. Bầu chứa loại trung OD 22 mm gồm lưới lọc bên trong bầu với đường kính lỗ khoảng 0.23mm. Các nhánh đo áp lực, đầu nối có kích thước phù hợp tiêu chuẩn ISO 80369-7, đều có nắp dây bảo hộ và kẹp khóa an toàn, Cổng tiêm thuốc chất liệu cao su y tế (free latex) mềm có độ đàn hồi rất tốt, tránh rỉ dịch hoặc bong vụn khi tiêm thuốc trong quá trình lọc máu. Thể tích làm đầy 168-170 ml. Đóng gói từng bộ (một mặt giấy, một mặt trong suốt) nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng. Tiệt khuẩn bằng EO gas. Tiêu chuẩn EC, ISO	Bộ	500
89	Qua lọc thận	• Chất liệu: Polyethersulfone • Hệ số siêu lọc Kuf: 26 • Diện tích màng: 1,6m ² • Thê tích mỗi: 85ml • Tiệt trùng bằng hơi nước • Trọng lượng: 190g Tiêu chuẩn ISO 13485; EC, FSC	Quả	500
	7.3 Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt			
	7.4 Tiêu hóa			
90	Lưới thoát vị , tự dính Progrid dùng trong mổ nội soi thoát vị bẹn	Miếng lưới chất liệu Polyester đơn sợi, có hệ thống gai siêu nhỏ tự dính vào mô chất liệu Polylactic Acid tự tiêu sau 18 tháng. Trọng lượng lưới 49g/m ² sau khi gai tiêu hết, kích thước lỗ lưới 1.8 x 1.8mm. Lưới hình chữ nhật, thiết kế theo giải phẫu vùng bẹn (bên trái, bên phải). Kích thước 15x10cm. Tiêu chuẩn FDA.	Miếng	60
91	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 6x11 cm	Lưới điều trị thoát vị bẹn chất liệu Polypropylene, đơn sợi dệt 2D, co giãn đa chiều. Trọng lượng lưới nhẹ 38g/m ² , kích thước lỗ lưới: 1.5mm x 1.5mm. Các cỡ kích thước 15x10cm và 11x6cm. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	Miếng	10
92	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 15x10 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô mỡ - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 15cm, dọc 10cm - Trọng lượng 38 g/m ² - Kích thước lỗ: 1.5mm. - Kiểu dệt: lưới - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFS	Miếng	20

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	7.5 Tiết niệu			
93	Sonde JJ		Cái	300
	7.6 Chấn thương, chỉnh hình			
94	Áo cột sống các cỡ	Là sản phẩm kết hợp bởi nhiều thanh nẹp hợp kim nhôm, đệm mút và vải cotton. sản phẩm có 4 thanh nẹp lớn được uốn cong theo đường cong của cơ thể từ vai tới hông, các thanh nẹp nhỏ dần hồi được bố trí đều xung quanh hai bên sườn và bụng giúp nâng đỡ cơ thể, hệ thống băng nhám dính giúp ôm sát cơ thể, dễ tháo lắp	Cái	100
95	Đinh Kitne đường kính các cỡ	Đường kính từ 1.0 đến 3.5mm, dài từ 150 đến 400mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	300
96	Đinh Rush đường kính các cỡ	Đường kính từ 2.4 đến 6.0mm, dài từ 40 đến 440mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	50
97	Đinh Metaizeau các loại các cỡ		Cái	200
98	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi (SS) đk các cỡ		Cái	30
99	Đinh nội tủy xương chày (SS) đk các cỡ		Cái	150
100	Nẹp DCP bán hẹp (vừa)	Bề dày nẹp 3.5mm, nẹp rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ bắt vít là 16mm khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít giữa nẹp là 25mm. Nẹp có từ 2 đến 16 lỗ, chiều dài nẹp từ 39 đến 263mm, chất liệu thép không gỉ.	Cái	200
101	Nẹp MC-DCP bán nhỏ	Bề dày nẹp 3mm, rộng nẹp 10mm, khoảng cách giữa các lỗ bắt vít là 12mm trong đó duy nhất khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít nằm giữa nẹp là 14mm, có từ 3 đến 8 lỗ chiều dài nẹp từ 38 đến 98 mm	Cái	200
102	Nẹp LC-DCP bán rộng	Bề dày nẹp 3.5mm; nẹp rộng 16mm; chiều dài nẹp từ 87 đến 295 mm. Nẹp có từ 5 đến 18 lỗ; khoảng cách giữa các lỗ là 16mm duy nhất khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít giữa nẹp là 25mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	200
103	Nẹp chữ L trái, phải các cỡ	Dây 2,5mm; rộng 15,7mm Có 4/5/6/7/8 lỗ trái, phải Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10
104	Nẹp chữ T nhỏ 3 lỗ đầu vít 3,5	Nẹp dày 1,5mm; nẹp gấp một góc 12 độ; bề rộng đầu chữ T là 25mm; thân nẹp rộng 11mm; nẹp dài từ 48mm đến 68mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	60

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
105	Nẹp DHS 135 độ các cỡ	Nẹp dày 6mm; rộng 19mm; khoảng cách lỗ nẹp 16mm Số lỗ trên thân nẹp: từ 2 đến 12 lỗ, dài 90(±2)mm đến 250 (±2) mm. chất liệu thép không gỉ. Đồng bộ với vít Đạt chất lượng EN ISO 13485:2016 và 93/42/EEC; tiêu chuẩn ASTM F138	Cái	150
106	Nẹp khóa đầu trên đầu dưới xương chày trái phải các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương chày dày 5mm, rộng 16mm, đầu trên nẹp có 5 lỗ bắt vít, thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ, dài từ 120 đến 320mm, sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Nẹp khóa đầu dưới xương chày có từ 4 đến 14 lỗ, dài từ 110 đến 245mm, phần đầu dưới có 9 lỗ, cổ nẹp có 01 lỗ bắt vít động, nẹp dùng vít khóa đường kính 3.5mm. Và nẹp khoá đầu dưới xương chày loại thẳng có chiều rộng 13.5mm, có 4 lỗ đầu sử dụng vít khoá đường kính 3.5mm và từ 4 đến 20 lỗ thân sử dụng vít khoá đường kính 4.5mm hoặc 5.0mm, dài từ 123mm đến 411mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	50
107	Nẹp lòng máng 1/3 dùng vít 3.5mm	Dài từ 73 đến 97mm, từ 6 đến 8 lỗ thân, dùng vis 3.5, chất liệu hợp kim không gỉ hoặc tương đương. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương	Cái	100
108	Nẹp khóa bán nẹp, các cỡ, titan	Chất liệu nẹp từ Titanium. Độ dày nẹp: 4.2 mm, bề rộng nẹp: 13.5 mm, số lỗ: 6/7/8/9/10/11/12/14 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 103/119/135/151/167/183/199/231 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm).	Cái	50
109	Nẹp khóa bán rộng, các cỡ, titan	Chất liệu nẹp từ Titanium. Độ dày nẹp: 5.2 mm, bề rộng nẹp: 17.5 mm, số lỗ: 6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 103/119/135/151/167/183/199/231/263 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm).	Cái	50
110	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, phải trái, các cỡ, titan	Chất liệu nẹp từ Titanium. Độ dày nẹp: 5.7 mm, bề rộng đầu nẹp: 39.3 mm, bề rộng thân nẹp: 17.0 mm, số lỗ phần đầu nẹp 7 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài nẹp là 165/204/244/284/323 mm (khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp: 20.0 mm), lỗ vít khóa và vít nén đơn.	Cái	50
111	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, các cỡ, titan	Chất liệu nẹp từ Titanium. Độ dày nẹp: 6.0mm, bề rộng phần thân nẹp: 19.0mm, khoảng cách giữa các lỗ: 18.0mm. Kích cỡ nẹp: 2/4/6/8/10/12 lỗ, phân biệt trái/phải. Phần đầu nẹp sử dụng vít khóa rộng nòng dk 7.3mm.	Cái	10
112	Nẹp khóa đầu trên, đầu dưới xương đùi trái phải các cỡ		cái	5
113	Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài, các cỡ, titan	Chất liệu nẹp từ Titanium. Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 26.5 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 120/135/150/165/180/195/210/225/240 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 15.0 mm)	Cái	20

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
114	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trong, các cỡ, titan	Chất liệu nẹp từ Titanium. Nẹp khóa đa trục. Độ dày đầu nẹp: 2.8mm, độ dày phần thân nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 22 mm, bề rộng thân nẹp: 15.5 mm, số lỗ phần đầu nẹp 8 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5/7/9/11/13/15 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 116/137/158/178/199/220 mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 10.5 mm)	Cái	20
115	Nẹp mắt xích các cỡ từ 4 đến 12 lỗ vít 3.5mm		Cái	100
116	Nẹp ốp lõi cầu trái, phải 7 đến 11 lỗ		Cái	30
117	Nẹp khóa đầu trên đầu dưới xương cánh tay các cỡ		cái	5
118	Nẹp khóa chữ L trái phải các cỡ		cái	5
119	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải, các cỡ		Cái	50
120	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương cánh tay số 1, các loại		Cái	50
121	Nẹp khóa đầu trên xương đùi số 1 trái, phải, các cỡ		Cái	5
122	Nẹp khóa dưới xương chày số 2 trái, phải, các cỡ		Cái	30
123	Vít nén DHS/DCS các cỡ	chiều dài 28mm; đường kính đầu vít 10mm; đường kính bát vít 3.5mm; đường kính ren 4mm, chất liệu thép không gỉ. Đạt chất lượng EN ISO 13485:2016 và 93/42/EEC; tiêu chuẩn ASTM F138	Cái	150
124	Vít DHS/DCS các cỡ		cái	150
125	Vít Sign các cỡ	Loại vít tự tạc rỗng, đường kính vít 4.5mm và có chiều dài từ 25mm đến 75mm. Đầu bắt vít và đầu cô mũ vít đều có ren, đoạn giữa thân vít là trơn. Đồng bộ với đinh nội tủy có chốt SIGN. Tiêu chuẩn FDA, chất liệu thép không gỉ.	Cái	500
126	Vít treo gân dùm trong phẫu thuật nội soi khớp gối các cỡ	- Vật liệu: Vít neo bằng titanium. - Kích thước neo: đường kính 4,5mm, dài 13.5mm. - Kích thước vòng lặp dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50 (mm) - Mô men quay cho phép vít neo được đặt đúng trên bề mặt xương đùi.	cái	40
127	Vít xương cứng đường kính 3.5 các loại	Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác	cái	2.000
128	Vít xương cứng đường kính 4.5 các loại	Vít xương cứng đường kính 4.5mm chiều dài các cỡ, chất liệu thép không gỉ	cái	4.500
129	Vít nén ép 4.5 mm, các cỡ, titan	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự tạc, đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12-85mm, mũ vít lục giác.	Cái	100

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Chất liệu nẹp từ Titanium. Có 03 loại nẹp mâm chày: Nẹp khóa mâm chày trong: Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 36.2 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 3/4/5/7/8/9/11/13 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 81/97/113/145/161/177/209/241 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm), lỗ vít khóa và vít nén đơn. Nẹp khóa mâm chày ngoài: Độ dày nẹp: 3.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 29.6 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 88/118/148/178/208/238 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 15.0 mm), lỗ vít khóa và vít nén đơn. Nẹp khóa mâm chày giữa (mâm chày chữ T): Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 33.4 mm, bề rộng thân nẹp: 14.5 mm, số lỗ: 4 lỗ, độ dài nẹp từ 96 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm), lỗ vít khóa và vít nén đơn.		
130	Nẹp khóa ổp mâm chày ngoài, trong, phải, trái, các cỡ, titan		Cái	50
131	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, titan	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12-50mm, mũ vít lục giác.	Cái	100
132	Vít khóa 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ.	Vít khóa 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ	Cái	50
133	Vít khóa 3.5 mm, các cỡ, titan	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12 - 80mm	Cái	50
134	Vít khóa 4.5 mm, các cỡ, titan	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác. Đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 85mm.	Cái	50
135	Vít khóa 5.5mm, xương xộp, các cỡ, titan	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, đường kính vít 5.5mm, đường kính lõi vít 2.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 30 - 90mm, mũ vít lục giác.	Cái	50
136	Vít khoá rỗng nòng, xương xộp, 7.3mm, các cỡ, titan	Chất liệu từ Titanium, vít tự taro, rỗng nòng. Có hai loại: - Ren toàn phần: Đường kính ren 7.3 mm, đường kính thân vít 5.5 mm, đường kính mũ vít 9.2 mm, đường kính nòng vít 2.5 mm. Độ dài vít từ 60-110mm. - Ren ngoài vì 25mm: đường kính ren 7.3 mm, đường kính thân vít 5.5 mm, đường kính mũ vít 8.3 mm, đường kính nòng vít 2.5 mm. Độ dài vít từ 60-110mm.	Cái	50
137	Vít xộp 6.5mm, titan, ren bán phần		cái	100
138	Vít xộp đường kính 6.5mm ren 32mm các cỡ		cái	100
139	Vít xộp đường kính 4.0 các loại		cái	60



STT DM BV mũi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
140	Nẹp mặt tự tiêu thẳng 4 lỗ	Nẹp 4 lỗ dùng vít đk 2.0mm, dày 1.7mm; rộng 5.5mm, dài 23.5mm, chất liệu polymer phân huỷ sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485; sản phẩm đã được tiệt trùng, đáp ứng trợ cụ tương thích	Cái	150
141	Nẹp tự tiêu thẳng dài 6 lỗ dùng vít 2.0mm	Nẹp 6 lỗ dùng vít đk 2.0mm, dày 1.7mm; rộng 5.5mm, dài 35.5mm, chất liệu polymer phân huỷ sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485; sản phẩm đã được tiệt trùng, đáp ứng trợ cụ tương thích	Cái	50
142	Vít tự tiêu đường kính 2.0x7mm	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium ASTM F136, đường kính thân 2.0mm, khoảng cách bước ren 1.0mm, dài 6mm, đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 EN ISO 13485:2016	Cái	500
143	Nẹp cổ cứng	Cờ XXS, XS, S, M, L. Chỉ định: Sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức. Hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	60
144	Nẹp chữ T các cỡ lỗ vít 4.5	Dây 2.5mm; rộng 15,7mm Có 4/5/6/7/8 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	50
145	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu Genesys Matryx các cỡ	- Vật liệu: Micro TCP kết hợp 96L/4D PLA tự tiêu, giúp thúc đẩy xương tăng trưởng, phát triển bên trong vít để phục hồi giải phẫu tự nhiên của bệnh nhân cả về mặt sinh học và cơ học. - Kích thước: 5.0x15, 5.0x20, 5.0x25, 5.0x30, 5.5x15, 5.5x20, 5.5x 25, 5.5x30, 6.0x15, 6.0x20, 6.0x25, 6.0x30, 6.5x15, 6.5x20, 6.5x25, 6.5x30, 7.0x20, 7.0x25, 7.0x30, 8.0x20, 8.0x25, 8.0x30, 8.0x35, 9.0x20, 9.0x25, 9.0x30, 9.0x35, 10.0x20, 10.0x25, 10.0x30, 10.0x35, 11.0x20, 11.0x25, 11.0x30, 11.0x35(mm)	Cái	40
146	Bộ khung cố định ngoài vi thân xương		Bộ	30
147	Bộ khung cố định ngoài đầu xương		Bộ	30
148	Nẹp sọ não 16 lỗ	Nẹp sọ não 16-18 lỗ, chất liệu Titan, tương thích vít kích thước 1.65 - 2.6 mm x 5 - 6 mm	1cái/túi	60
149	Vít Titan sọ não tự taro	Mũi vít chữ thập, đầu vít tự khoan, tự taro, kích thước 1.65 - 2.6 mm x 4 - 6 mm đồng bộ với miếng ghép sọ não lưới Titan và nẹp Titan sọ não 16 lỗ. Làm từ titanium không gây kích ứng cơ thể. Tiêu chuẩn CE, ISO.	1cái/túi	600
	Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác			

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
150	Dụng cụ khâu cắt nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ	Dụng cụ khâu cắt nối ống tiêu hóa tròn các cỡ đường kính 21mm, 25mm; 28mm, 31mm. Chiều cao ghim trước dập 3,5mm - 4,8mm, chiều cao ghim sau khi dập 1,5mm - 2mm. Ghim bằng Titan. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	Cái	55
151	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mỡ tương thích với ghim mô 4 hàng định ghim	Dụng cụ khâu cắt dùng trong phẫu thuật mô mỡ, gồm một tay súng 60mm, 80mm đi kèm 1 băng ghim tương ứng dài 60 mm, 80mm. Chiều cao ghim 3,8mm- 4,8mm. Tiêu chuẩn FDA. - Mã sản phẩm GIA6038S; GIA6048S; GIA8038S; GIA8048S	Cái	16
152	Băng (đạn) ghim khâu dùng trong phẫu thuật mô mỡ, loại cắt thẳng có 4 hàng định ghim	Băng ghim khâu cắt dùng trong mô mỡ các cỡ 60mm, 80mm, 100mm. Chiều cao ghim trước dập 3,8 mm- 4,8mm, sau khi dập 1,5mm-2,0mm. Ghim bằng Titan. Tiêu chuẩn FDA - Mã sản phẩm GIA6038L; GIA6048L; GIA8038L; GIA8048L	Cái	400
153	Băng ghim nội soi (stapler) cỡ 60mm dùng cho mô vừa hoặc dày	Băng ghim dập nội soi kèm lưỡi dao, dùng cho mô vừa và dày. Băng ghim dài 60mm, 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0 mm. Ghim bằng Titan - Mã sản phẩm EGIA60AMT	Cái	100
154	Băng ghim nội soi (stapler) cỡ 45mm dùng cho mô vừa hoặc dày	Băng ghim cắt khâu nối nội soi công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim có chiều cao khác nhau, lưỡi dao mới trong mỗi băng ghim, chất liệu ghim titanium	Cái	40
155	Buồng truyền hóa chất		Cái	30
156	Dầu đốt bằng sóng Radio các loại, các cỡ, các góc đầu đốt.		Cái	40
157	Điện cực tim	KT: 50mm, dạng hình tròn Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân.	Cái	3.440
158	Clip cầm máu nội soi	Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm Tương thích kênh làm việc : 2.8mm Kẹp clip dùng trong cầm máu dạ dày và đại tràng. Có thể xoay được 360 độ , đóng mở nhiều lần, tay cầm lắp sẵn. Hàm Clip to chắc khỏe, có khả năng định vị cố định vào vị trí dự định trước khi bắn. Độ mở 15mm, góc hàm :90-135 độ Chiều dài của hemoclip (clip liền cán) 2100mm. Tay cầm bằng nhựa y tế có xỏ ngón , sử dụng linh hoạt , chắc chắn , Vỏ bọc kim loại và nhựa bên ngoài. Vô khuẩn , Tiêu chuẩn CE , ISO 13485	Cái	350

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
159	Clip titan kẹp mạch máu các cỡ	Clip mạch máu dùng kẹp mạch máu trong phẫu thuật - Chất liệu titanium - Độ mở clip 2,08mm (3,02mm; 5,73mm; 7,83mm), chiều dài clip khi đóng 3,73mm (5,96mm; 9,05mm; 12,41mm) - Thiết kế dạng chữ V, có rãnh ngang sâu ngăn cản bị trượt trên mạch máu, tối ưu hóa bề mặt tiếp xúc mạch máu. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. - Hỗ trợ lắp đặt cân clip	Cái	300
160	Clip mạch máu polymer các cỡ	Chất liệu Polymer, kẹp mạch máu có cấu tạo khóa cài chống tuột khỏi mạch máu. Thiết kế vì trợ lực giúp dễ dàng lấy clip. Có gai dọc thân clip giúp chống trượt. Phù hợp với kim kẹp clip hiện có tại bệnh viện.	Cái	300
161	Bộ dẫn lưu thận qua da	loại trực tiếp, có khóa, các cỡ 6-8-10-12-14-16Fr, dài 30cm	Bộ	400
162	MẶT NẠ THỞ OXY	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	120
163	BỘ MẶT NẠ THỞ OXY KHÍ DUNG	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bộ	500
164	Mũi khoan xương các cỡ	Mũi khoan xương các cỡ $\Phi 2,5$ - $\Phi 4,5$ KT: dài từ 90mm-300mm	cái	100
165	Mũi khoan xương HP 703		Cái	20
166	Phin lọc khí	Đường kính trong của bộ lọc là 0.1 micron, có hiệu quả như 01 rào cản vi khuẩn	Cái	1.000
167	Trocar nội soi nhựa, không dao trong phẫu thuật nội soi lồng ngực	Cổng đưa dụng cụ phẫu thuật nội soi, thiết kế cho phẫu thuật lồng ngực, đường kính 5,5-15mm thân dài ≥ 60 mm, gờ trên thân trocar mềm dẻo.	Cái	120
	Nhóm 10: VTYT khác			
168	Tay súng nội soi cỡ 6, 16cm	Dụng cụ khâu cắt nội soi các cỡ 6cm, 16cm. Dụng cụ được làm bằng chất liệu plastic có phủ cao su chống trượt, phù hợp với tất cả băng ghim nội soi. Tiêu chuẩn FDA - Mã sản phẩm EGIAUSHORT/ EGIAUSTND	Cái	6
169	Nhiệt kế	Dùng đo nhiệt độ cơ thể ở miệng, nách, hậu môn. * Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát. * Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C. * Có hộp nhựa để bảo quản	Cái	240

STT DM BV mới chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Chất làm đầy mô chứa Collagen type I có nguồn gốc từ mô lợn sữa đảm bảo tính an toàn cao vì tính sinh miễn dịch của chúng rất thấp. Trình tự glycoprotein của chuỗi $\alpha 1$ và $\alpha 2$ collagen type I ở người và lợn có độ tương đồng đạt 97% và 94%. Sau khi tiêm sản phẩm vào khu vực bị tổn thương, các sợi collagen tân tổng hợp lắng đọng vào vùng bị hư hỏng, tạo ra sự cải thiện đặc tính cơ học của các mô bị thương. Đặc biệt là đặc tính không đồng hướng của mô sẽ được khôi phục. Không đồng hướng là tính chất cơ học của collagen, là khả năng lan rộng lực căng, hướng tới một hướng ưu tiên duy nhất của các sợi collagen.		
170	MD-KNEE	Chất làm đầy mô chứa Collagen type I có nguồn gốc từ mô lợn sữa đảm bảo tính an toàn cao vì tính sinh miễn dịch của chúng rất thấp. Trình tự glycoprotein của chuỗi $\alpha 1$ và $\alpha 2$ collagen type I ở người và lợn có độ tương đồng đạt 97% và 94%. Sau khi tiêm sản phẩm vào khu vực bị tổn thương, các sợi collagen tân tổng hợp lắng đọng vào vùng bị hư hỏng, tạo ra sự cải thiện đặc tính cơ học của các mô bị thương. Đặc biệt là đặc tính không đồng hướng của mô sẽ được khôi phục. Không đồng hướng là tính chất cơ học của collagen, là khả năng lan rộng lực căng, hướng tới một hướng ưu tiên duy nhất của các sợi collagen.	Lọ	300
171	MD-LUMBAR	Chất làm đầy mô chứa Collagen type I có nguồn gốc từ mô lợn sữa đảm bảo tính an toàn cao vì tính sinh miễn dịch của chúng rất thấp. Trình tự glycoprotein của chuỗi $\alpha 1$ và $\alpha 2$ collagen type I ở người và lợn có độ tương đồng đạt 97% và 94%. Sau khi tiêm sản phẩm vào khu vực bị tổn thương, các sợi collagen tân tổng hợp lắng đọng vào vùng bị hư hỏng, tạo ra sự cải thiện đặc tính cơ học của các mô bị thương. Đặc biệt là đặc tính không đồng hướng của mô sẽ được khôi phục. Không đồng hướng là tính chất cơ học của collagen, là khả năng lan rộng lực căng, hướng tới một hướng ưu tiên duy nhất của các sợi collagen.	Lọ	300
172	MD-NECK	Chất làm đầy mô chứa Collagen type I có nguồn gốc từ mô lợn sữa đảm bảo tính an toàn cao vì tính sinh miễn dịch của chúng rất thấp. Trình tự glycoprotein của chuỗi $\alpha 1$ và $\alpha 2$ collagen type I ở người và lợn có độ tương đồng đạt 97% và 94%. Sau khi tiêm sản phẩm vào khu vực bị tổn thương, các sợi collagen tân tổng hợp lắng đọng vào vùng bị hư hỏng, tạo ra sự cải thiện đặc tính cơ học của các mô bị thương. Đặc biệt là đặc tính không đồng hướng của mô sẽ được khôi phục. Không đồng hướng là tính chất cơ học của collagen, là khả năng lan rộng lực căng, hướng tới một hướng ưu tiên duy nhất của các sợi collagen.	Lọ	300

TIN
NH V
A KP
TIN

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
173	MD-POLY	Chất làm đầy mô chứa Collagen type I có nguồn gốc từ mô lợn sữa đảm bảo tính an toàn cao vì tính sinh miễn dịch của chúng rất thấp. Trình tự glycoprotein của chuỗi $\alpha 1$ và $\alpha 2$ collagen type I ở người và lợn có độ tương đồng đạt 97% và 94%. Sau khi tiêm sản phẩm vào khu vực bị tổn thương, các sợi collagen tân tổng hợp lắng đọng vào vùng bị hư hỏng, tạo ra sự cải thiện đặc tính cơ học của các mô bị thương. Đặc biệt là đặc tính không đồng hướng của mô sẽ được khôi phục. Không đồng hướng là tính chất cơ học của collagen, là khả năng lan rộng lực căng, hướng tới một hướng ưu tiên duy nhất của các sợi collagen.	Lọ	300
174	MD-SHOULDER	Chất làm đầy mô chứa Collagen type I có nguồn gốc từ mô lợn sữa đảm bảo tính an toàn cao vì tính sinh miễn dịch của chúng rất thấp. Trình tự glycoprotein của chuỗi $\alpha 1$ và $\alpha 2$ collagen type I ở người và lợn có độ tương đồng đạt 97% và 94%. Sau khi tiêm sản phẩm vào khu vực bị tổn thương, các sợi collagen tân tổng hợp lắng đọng vào vùng bị hư hỏng, tạo ra sự cải thiện đặc tính cơ học của các mô bị thương. Đặc biệt là đặc tính không đồng hướng của mô sẽ được khôi phục. Không đồng hướng là tính chất cơ học của collagen, là khả năng lan rộng lực căng, hướng tới một hướng ưu tiên duy nhất của các sợi collagen.	Lọ	300
175	MD-NEURAL	cải thiện sự vận động của khớp, đặc biệt trong rối loạn tư thế xấu, hạn chế quá trình thoái hóa sinh lý của khớp và mô, có thể sử dụng trong trị liệu các bệnh lý về dây thần kinh.	Lọ	300
176	Chỉ thép liền kim các cỡ	Chỉ thép số 5 dài 45cm Vi = 4 sợi . Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone	Sợi	500
177	Sâu máy thở	Chất liệu bằng nhựa PVC hoặc tương đương - Dạng lò so, dùng cho máy thở - Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương - Kích thước: Chiều dài ≥ 15 cm - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 :2016 - Công lấy khí có nắp dây cố định. Sản phẩm được tiệt trùng	Cái	1.100
178	Vớ y khoa tới đùi	Cung cấp áp lực chuẩn , đạt áp lực mạnh nhất ở mắt cá chân và giảm dần khi di chuyển lên trên. Cấu tạo silicon chống trượt, đảm bảo độ nén cao, đạt áp lực (23-32mmHg). Kích cỡ số đo vòng cổ chân: XS(18-20cm), S(20-22cm), M(22-24cm), L(24-26cm, XL(26-28cm)	Đôi	250
179	Lọ lấy đờm có dây hút và lọc khuẩn	Thẻ tích lọ 25 ml, dây hút dịch dài 40-50 cm, đầu hút trên nắp đậy có phim lọc khuẩn. Các số 6/8/10/12/14 Fr.....	Cái	300
180	Bột xương osteon	Hàn Quốc	Hộp	30

STT DM BV mời chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
181	Analog	Implant Dentium	Hộp	5
182	Màng xương collagen	Hàn Quốc	Hộp	20
183	Vòng xoắn kim loại các loại, các cỡ (Coils)		Cái	50
184	Dây + Mask túi thở oxy (Mask thở oxy có túi)		Cái	150
185	Sodium hyaluronate 20mg HA/2ml nồng độ 1 %		xilanh	300
186	Hyaluronic Acid + Sorbitol 40/80mg		bơm	150
187	Hyaluronic Acid + Sorbitol 80/160mg		bơm	100
188	Chất làm đầy bôi trơn khớp Arttox 2%	Hyaluronic acid 2%	Ống	300
189	Chất làm đầy bôi trơn khớp Arthrys 5 0.5ml (ATY505)	Collagen thủy phân trọng lượng phân tử thấp (<3kDa), 5mg/ml	Ống	200
190	Chất làm đầy bôi trơn khớp Arthrys 5 1ml (ATY51)	Collagen thủy phân trọng lượng phân tử thấp (<3kDa), 5mg/ml	Ống	100
191	Ống sonde mở thông da dày silicone	Ống mở thông da dày silicone - 100% chất liệu silicone, an toàn độ bền cao - Đầu bóng cóp 10ml phủ hai mặt cho tính đàn hồi giữ thức ăn không trào ngược ra ngoài ống - Đầu silicone bên ngoài da giúp sonde không bị tuột vào trong - Có 2 ống bơm giúp bơm cả thức ăn và thuốc cùng lúc - Khả năng tương thích sinh học tốt - Đủ size 22Fr, 24Fr	Cái	50
192	Hyaluronic 2%(40mg/2ml)		ống	300
193	Chất làm đầy, bôi trơn khớp	Hyaluronic acid 1%(2ml thành phần bao gồm 10mg/ml Natri hyaluronate, natri hyaluronate 1%)	Ống	300
194	Collagen thủy phân trọng lượng phân tử thấp (<3kDa), 5mg/ml loại 0.5 ml		Ống	300
195	Collagen thủy phân trọng lượng phân tử thấp (<3kDa), 5mg/ml loại 1 ml		Ống	300
196	Dây silicon lê mũi (khoa mắt)		Cái	10
197	Fix Super line (Trụ Implant)	Implant Dentium	Hộp	20
198	Abument	Implant Dentium	Hộp	20
199	Coping	Implant Dentium	Hộp	5
200	Composite lòng B&E Flow		tuýp	20
201	Vít nẹp chặn JC Screws	Jeil Hàn Quốc	cái	60
202	Mũi cắt răng	28mm	cái	20
203	K file đủ số	21mm	Vi	20
204	K file đủ số	25mm	Vi	3
205	K file đủ số	28mm	Vi	2

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
206	H file đủ số	21mm	Ví	20
207	H file đủ số	25mm	Ví	3
208	H file đủ số	28mm	Ví	2
209	Trâm gai		Ví	20
210	Composite 3M	3M ESPE Z250 XT	Ông	5
211	Etching		lọ	5
212	Bond		lọ	5
213	Fuji I	15g	Hộp	2
214	Fuji II	5g	Hộp	3
215	test thử đường huyết		cái	1,400
216	Dây máy thở dùng 1 lần	Mạch linh hoạt dài 1,6m, có cổng chữ Y, đầu nối khuỷu có cổng luer, 2x bẫy nước, chân mềm 0,6m, đầu nối thẳng 22M-15F/22M, đầu nối thẳng 22F-15M	Bộ	300
217	Gel trị liệu giảm đau lạnh Biofrost relief Nước, Cồn Denat., Menthol, Dimethyl Sulfone (MSM), Glycerin, Eucalyptus Globulus Leaf Oil, Mentha Piperita Oil, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Triethanolamine	Gel giảm đau nhanh chóng và có tác dụng làm lạnh hiệu quả cho bệnh viêm khớp, đau cơ, đau khớp, cơ bắp phục hồi, chấn thương căng thẳng lặp đi lặp lại và đau liên quan đến thể thao. Giảm sưng tấy, giải phóng căng cơ và tăng tốc độ phục hồi sau chấn thương và găng sức cơ bắp	Tuýp	300
218	Chất làm đầy, bôi trơn khớp (2ml thành phần bao gồm 40 mg Hyaluronic Acid, 80 mg Sorbitol, 2% natri hyaluronate)	Dung dịch nhót dựa trên 2% natri hyaluronate và 4% Sorbitol là dung dịch vô trùng dạng tiêm 20 mg / ml natri hyaluronate từ phản ứng sinh học (với Mw ~ 2.000.000 Daltons trong dung dịch khử trùng) và 40mg / ml sorbitol hòa tan trong dung dịch muối sinh lý đệm.	Ông	150
219	Chất làm đầy, bôi trơn khớp (4ml thành phần bao gồm 80mg Hyaluronic Acid, 160mg Sorbitol, 2% natri hyaluronate)	Sản phẩm dung dịch natri nhót, vô trùng, apyrogenic, đẳng trương, đậm, 2% dung dịch natri hyaluronate. Natri hyaluronate được sử dụng thu được từ quá trình lên men vi khuẩn và có trọng lượng phân tử trung bình cao (MW) là 2 MDalton. Sản phẩm có độ pH trung tính 6,8 - 7,4 tương tự như dịch khớp.	Ông	100
220	Gel phòng ngừa và điều trị tổn thương do xạ trị	40g	Tuýp	50
221	Gel phòng ngừa và điều trị tổn thương do xạ trị	100g	Tuýp	50

STT DM BV mỗi chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Là loại điện cực đơn cực 1 chân dùng nhiều lần. - Kích thước của điện cực là 24 CH.		
222	Điện cực cắt vòng đơn cực	- Dùng cho ống soi 30 độ. - Phù hợp với nhiều loại tay cắt. - Đóng gói trong ống nhựa bảo vệ. - Điện cực dùng nhiều lần, không tiết trùng - Công suất cắt cài đặt: 120-180 watt - Công suất đốt tối đa: 100 watt - Sử dụng được với dung dịch: Glycine, Purisole - Điện cực gấp góc 30 độ. - Sử dụng phù hợp với vỏ đặt tay cắt u xơ tiền liệt tuyến cỡ 24Fr/26Fr.	Cái	100
223	Taurolock	Lọ 10 ml bảo quản catheter	Lọ	100
224	Gel chống dính trong phẫu thuật - Natri Hyaluronate 10mg/ml	Hộp 1 bơm tiêm tiết trùng 2,5 ml	Hộp	100
225	Gel chống dính trong phẫu thuật - Natri Hyaluronate 10mg/ml	Hộp 1 bơm tiêm tiết trùng 2 ml	Hộp	80

THÂN
HÌNH
1



PHỤ LỤC II

(Kèm theo thông báo mời chào giá số 195/CTB-BV ngày 01 tháng 12 năm 2023)

Mobile:

Email:

BẢNG THAM DỰ DANH MỤC VÀ CHÀO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ LẦN 02

Công ty trân trọng gửi Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình danh mục và chào giá vật tư y tế như sau:

STT DM BV mời chào giá	STT Công ty chào giá	Tên vật tư	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Phân loại VTYT	Mã sản phẩm (ND98)	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá kê khai (ND98)	Báo giá đã có VAT (VND)	Số lượng	Thanh tiền	Giá đã trúng thầu trong vòng 120 ngày kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá	Số quyết định trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Hiện lực giá trúng thầu
					A,B,C,D													

Tổng số khoản:

- Báo giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và thuế VAT

- Báo giá có giá trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá

Chúng tôi xin cam kết: về chất lượng, giá bán của sản phẩm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin trên

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

- Họ và tên:

- Số điện thoại:

....., Ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)